

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

TRẦN THANH HƯƠNG. *Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ trong ba thập niên đầu thế kỷ XX*

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại

Mã số: 62 22 54 05

Đầu thế kỷ XX, giai cấp tư sản đã hình thành và có vai trò nhất định trong đời sống kinh tế-chính trị của đất nước. Trong điều kiện xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp tư sản Việt Nam có những hạn chế nhất định so với giai cấp tư sản các nước khác cùng thời cũng như so với các giai cấp khác trong nước. Nghiên cứu về sự ra đời, hoạt động kinh tế và vai trò chính trị của giai cấp này là vấn đề hấp dẫn và là nghiên cứu cần thiết đối với khoa học xã hội nước ta. Đến nay, mặc dù có khá nhiều công trình nghiên cứu về giai cấp tư sản, nhưng nghiên cứu giai cấp này trên từng vùng, miền để thấy rõ vai trò, vị trí của nó đối với sự phát triển kinh tế, xã hội cũng như đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của đất nước vẫn còn hạn chế. Với những lý do đó, NCS. Trần Thanh Hương đã lựa chọn vấn đề “Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ trong ba thập niên đầu thế kỷ XX” là đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương (196 trang).

Chương I: Tầng lớp tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ đầu thế kỷ XX. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những tư tưởng

cách mạng phát sinh từ sớm ở các nước phương Tây lúc bấy giờ đã có điều kiện phát triển mạnh, tác động đến các nước phương Đông thuộc địa, nửa thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam - là nước thuộc địa nửa phong kiến, bị thực dân Pháp chia ra làm ba xứ với ba chế độ cai trị khác nhau. Trong bối cảnh lúc đó, tư sản Việt Nam ra đời.

Thành phần tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ khá đa dạng, gồm tư sản thương nghiệp, nông nghiệp và một số ít là tư sản kiêm địa chủ, chủ yếu là tư sản thương nghiệp. Do tính chất bóc lột thuộc địa của tư bản Pháp, hoạt động lũng đoạn thị trường thông qua việc đem hàng hóa bán ở thị trường Việt Nam, hạn chế công nghiệp thuộc địa phát triển, mà tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ có điều kiện và trong thực tế phát triển nhiều về thương nghiệp hơn là công nghiệp, hoạt động chủ yếu ở các thành thị, các trung tâm buôn bán (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Hòn Gai, Quảng Ninh,...).

Thời kỳ này, một bộ phận sĩ phu phong kiến yêu nước tiến bộ, đảm nhận vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, là phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục. Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ thuộc tầng lớp công thương cùng các tầng lớp nhân dân khác có ý thức dân tộc, hưởng ứng phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Tinh thần chung của các phong trào này là thúc đẩy nền sản xuất tiểu thủ công nghiệp dân tộc phát triển, hô hào đổi mới, cải tiến để nâng cao trình độ sản

xuất, tự lực tự cường vươn lên giành ưu thế với Hoa kiều, Pháp kiều trong sản xuất và kinh doanh.

Chương II: Hoạt động của tầng lớp tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ trong những năm Chiến tranh thế giới thứ Nhất (1914-1918). Chiến tranh thế giới thứ Nhất dẫn đến việc chính quyền thuộc địa phải điều chỉnh một số chính sách về kinh tế, nhằm ổn định sản xuất, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho cuộc chiến tranh ở chính quốc. Những thay đổi đó đã tạo cho tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế tư bản dân tộc. Một số tư sản Việt Nam bỏ vốn kinh doanh, mở xí nghiệp. Một số khác mở thêm chi nhánh ở trong nước và xuất cảng ra nước ngoài. Nhiều tư sản nổi danh là những doanh nhân Việt thời đó như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, Nguyễn Sơn Hà, Trịnh Đình Kính,...

Tuy vậy, bên cạnh đó, chính sách áp bức bóc lột, “thuế máu”, bắt lính của thực dân Pháp thực hiện ở Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh đã gây phần nộ trong các tầng lớp nhân dân. Các giai cấp khác như công nhân và nông dân là đối tượng chính của chính sách bóc lột, phục vụ cho chiến tranh; thực dân Pháp và phong kiến tay sai vẫn cấu kết chặt chẽ với nhau để thống trị, bóc lột các tầng lớp nhân dân Đông Dương. Những phong trào đấu tranh của quần chúng, tinh thần phản chiến của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ngày càng dâng cao, thúc đẩy các phong trào đấu tranh yêu nước phục hồi và phát triển.

Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ, sau khi giành được vai trò nhất định trong kinh tế, cũng muốn vươn lên về chính trị. Họ lập ra cơ quan ngôn luận riêng, cho ra

đời nhiều tờ báo, như *Nam Phong Tạp chí*, *Đông Dương Tạp chí*, *Việt Nam Phong tục*, *Đại Việt Tạp chí*, *Diễn Đàn Bản xứ*,... do người Việt Nam tổ chức và quản lý, với mục đích bênh vực cho người An Nam.

Chương III: Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp (1919-1929). Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ hoạt động khá mạnh ở các thành phố lớn, trong nhiều ngành kinh tế, nhất là bộ phận tư sản thương mại. Trên cơ sở phát triển kinh tế, khẳng định địa vị kinh tế trên thị trường và trong xã hội, ý thức giác ngộ giai cấp và dân tộc của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ cũng trưởng thành. Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ biết đặt lợi ích chung của đoàn thể, của cộng đồng và giới công thương nước nhà lên trên hết. Họ coi việc đoàn kết với nhau trong hiệp hội nhằm bảo vệ quyền lợi là việc làm cần thiết. Bên cạnh đó, họ nhận thấy cần có tiếng nói chính thức tại Hội đồng Thuộc địa, Viện Dân biểu, Hội đồng Thành phố, cần lập ra cơ quan ngôn luận để hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi kinh tế và chính trị của giới mình.

Trong giai đoạn này, tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh trong nhiều ngành kinh tế, như: sản xuất kinh doanh thủ công, hoạt động kinh doanh thương mại, kinh doanh công nghiệp, khai thác khoáng sản, kinh doanh vận tải, kinh doanh nông nghiệp, hoạt động thầu khoán,... với số lượng ngày càng tăng và tập trung nhiều ở các đô thị lớn và các trung tâm thương mại quan trọng.

Trong những năm 1920, tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ với ý thức của một giai cấp đã trưởng thành, tích cực tham gia

vào phong trào yêu nước của dân tộc với hình thức phổ biến là dùng báo chí công khai, hợp pháp, tuyên truyền cổ động tham gia sản xuất và kinh doanh, phát triển và bảo vệ kinh tế tư bản dân tộc.

Khi bảo vệ quyền lợi, chống lại thế lực của tư sản nước ngoài, tư sản bản xứ thể hiện tinh thần dân tộc của mình, ý thức chính trị của giai cấp đã chuyển thành lòng yêu Tổ quốc. Họ có ý thức về vị thế của mình trong nền chính trị nước nhà. Họ yêu cầu được trao quyền bầu cử, đòi thi hành luật lao động trong giới công thương. Những yêu sách, đòi hỏi của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ gửi lên chính quyền Pháp đã được chấp nhận và thi hành.

Một bước tiến đáng kể của phong trào tư sản từ giữa những năm 1920 dưới ảnh hưởng của phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng XHCN là các phong trào diễn ra ngày càng mạnh mẽ và có tổ chức. Một bộ phận của phong trào chuyển sang lập trường vô sản. Bộ phận khác đẩy mạnh hoạt động theo khuynh hướng quốc gia tư sản, đứng ra thành lập chính đảng tư sản: Việt Nam Quốc dân Đảng của tiểu tư sản trí thức và tư sản Bắc Kỳ, đại diện là Nguyễn Thái Học. Mặc dù thất bại sau hai năm tồn tại, nhưng cuộc bạo động Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng đã có những đóng góp lớn trong việc tuyên truyền, giác ngộ tư tưởng yêu nước và ý thức độc lập tự cường, cổ vũ động viên nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược vì nền độc lập tự do của Tổ quốc, tạo cơ sở thuận lợi cho CNCS phát triển ở giai đoạn sau.

Chương IV: Một số nhận xét về đặc điểm, vai trò lịch sử của tư sản Việt

Nam ở Bắc Kỳ trong ba thập niên đầu thế kỷ XX.

Về đặc điểm của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ: 1/ Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ ra đời từ lớp đầu thời Pháp thuộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, trưởng thành lên giai cấp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai. 2/ Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ quan hệ phức tạp với tư bản chính quốc Pháp: vừa mâu thuẫn, chống lại Pháp vì bị chèn ép, làm lệ thuộc và phải liên hệ kinh tế với phong kiến, vừa thống nhất, dựa vào Pháp vì phải lệ thuộc vào chính sách kinh tế của Pháp để sản xuất và kinh doanh. Do đó, trong đấu tranh, tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ tỏ thái độ nghiêng ngả, thỏa hiệp, không kiên quyết với chế độ phong kiến, không triệt để trong nhiệm vụ chống đế quốc. 3/ Thành phần tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ khá đa dạng gồm tư sản thương nghiệp, nông nghiệp, công thương nghiệp,... tham gia sản xuất và kinh doanh trong hầu hết các ngành kinh tế, nhưng cũng chỉ trong phạm vi nhỏ hẹp của các ngành. 4/ Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ là lực lượng nhỏ bé. Những nhà tư sản lớn không nhiều. 5/ Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ ra đời muộn hơn giai cấp công nhân, nhưng lại phát triển nhanh, phạm vi hoạt động rộng trong nhiều ngành, nghề khác nhau.

Về vai trò của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ. 1/ Trong lĩnh vực kinh tế: Tư sản tạo ra và phát triển cơ sở kinh tế tư bản dân tộc và đấu tranh bảo vệ nó, thay thế kinh tế phong kiến lạc hậu, trì trệ. Tuy nhiên, sự ra đời và phát triển của cơ sở kinh tế tư bản dân tộc bị hạn chế trong sự lệ thuộc kinh tế tư bản Pháp; kinh tế Việt Nam vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phát triển mất cân đối, hoạt động chủ yếu về thủ công

ng nghiệp, thương nghiệp và nông nghiệp, còn công nghiệp không phát triển, hoạt động chủ yếu trong công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến. Với cơ sở kinh tế đó, Việt Nam không trở thành nước tư bản độc lập, kinh tế tư bản Việt Nam dưới dạng thực dân được hiện bằng sự kết hợp giữa phương thức sản xuất tư bản với phương thức sản xuất phong kiến. 2/ Trong lĩnh vực chính trị-xã hội: Phong trào dân tộc dân chủ tư sản do các sĩ phu, trí thức yêu nước tiến bộ khởi xướng và lãnh đạo nổ ra sớm ở Bắc Kỳ đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ tham gia phong trào cùng với thị dân, thương nhân, sĩ phu yêu nước tư sản hóa, địa chủ phong kiến yêu nước, họ đồng thời là cơ sở xã hội của phong trào yêu nước – cách mạng đầu thế kỷ XX, đã góp phần tạo ra phong trào dân tộc đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam. Tư sản bản xứ là một lực lượng yêu nước - cách mạng đã được Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản sớm nhìn nhận ngay khi Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời. Tuy vậy, tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ đại diện cho lực lượng

sản xuất kém phát triển, bị lệ thuộc vào tư bản Pháp, do đó họ không đề ra được đường lối chính trị độc lập, không lãnh đạo được cách mạng. Tư sản mang tính chất hai mặt (vừa bị bóc lột, vừa là người bóc lột), nên trong đấu tranh họ dễ dàng thỏa hiệp với đế quốc, không đề cập đến việc xóa bỏ ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Về vấn đề dân chủ, họ cũng chưa nói tới việc xóa bỏ tàn tích phong kiến. Mặc dù tư sản Việt Nam đã chứng minh trong thực tế sự nỗ lực đấu tranh, song kết quả và sự thất bại của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ là do sự non yếu của bản thân giai cấp và xu hướng tư sản trong phong trào cách mạng Việt Nam. Sự cố gắng và thất bại sau cùng của tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ đã góp phần vào việc khẳng định lịch sử đã lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản.

Luận án bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tháng 3/2012.

TUỆ MINH
giới thiệu